

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07-02-2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:
ông Hoàng Liên Sơn-Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/12/2017 về việc tranh chấp "ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V - sinh năm 1985

-Bị đơn: Anh Trịnh Phong T - sinh năm 1985

Địa chỉ: Đều ở khu 8, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày: chị và anh T kết hôn ngày 15/10/2013 tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T - huyện C. Sau khi kết hôn vợ chồng chị ở riêng ở

xã T, sau đó thường xuyên đi làm ăn. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống anh T không chịu làm ăn, chơi bời cờ bạc. Tuy đã được gia đình đình khuyên giải nhưng hai bên không khắc phục được mâu thuẫn. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 01/2015, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Tại bản tự khai ngày 27/12/2017 anh T trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đúng như lời trình bày của chị V. Nay chị V xin ly hôn quan điểm của anh cũng đồng ý ly hôn, vì anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Nhưng đến ngày 03/01/2018 anh T trình bày việc chị V yêu cầu xin ly hôn quan điểm của anh không đồng ý ly hôn, vì anh xác định anh vẫn còn thương yêu chị V và anh muốn có thời gian để suy nghĩ.

- *Về con chung*: Hai bên trình bày vợ chồng chưa có con chung.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất nông nghiệp*: Hai bên không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng hai bên vẫn giữ nguyên quan điểm tranh chấp về việc ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát việc về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Trịnh Phong T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị V kết hôn với anh Trịnh Phong T là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bất đồng, anh T không chịu làm ăn, chơi bời cờ bạc, chị V và gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cũng hòa giải nhưng không thành. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên chị V xin ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận. Còn anh T không đồng ý ly hôn, nhưng trong thời gian vợ chồng sống ly thân, quá trình Tòa án giải quyết vụ án đến nay anh T không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, điều đó chứng minh việc anh T xin đoàn tụ là không có căn cứ chấp nhận.

2. *Về con chung*: Hai bên trình bày vợ chồng chưa có con chung, nên HĐXX không xem xét.

3. *Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất nông nghiệp*: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Trịnh Phong T.

2. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị V phải chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0002735 ngày 27/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Tùng Khê;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng